

NÔNG THÔN NINH BÌNH PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ VÀ NGÀNH NGHỀ TRUYỀN THỐNG

Nguyễn Thị Bích Đào

Khoa Kinh Tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

Phát triển làng nghề và ngành nghề truyền thống đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế ở mỗi nước. Ở nước ta trong thời kỳ đổi mới với nền kinh tế nhiều thành phần, cơ chế thị trường tác động vào các làng nghề, ngành nghề truyền thống tạo cơ hội phát triển mạnh mẽ. Ninh Bình là tỉnh có nhiều ngành nghề truyền thống nổi tiếng như các mặt hàng: Cói Kim Sơn; thêu ren Văn Lâm, Ninh Hải; chạm khắc đá mỹ nghệ Ninh Vân; đồ gỗ mỹ nghệ Ninh Phong (Hoa Lư)... được khơi dậy, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát triển kinh tế - xã hội trong một làng, một huyện, một vùng trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Hơn thế, sản phẩm truyền thống của Ninh Bình không chỉ đáp ứng tiêu dùng của nhân dân trong vùng, trong nước mà còn vươn tới những thị trường ngoài tỉnh, ngoài nước với số lượng ngày càng tăng.

Tiềm năng và thế mạnh

Thực hiện đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá trước hết ở khu vực nông nghiệp, nông thôn, Ninh Bình tập trung sức khai thác tiềm năng thế mạnh ở hai huyện Kim Sơn và Hoa Lư, đây cũng là hai trung tâm làng nghề, có ngành nghề truyền thống điển hình của tỉnh.

Kim Sơn là huyện đồng bằng ven biển có tiềm năng phát triển nông nghiệp toàn diện với hơn 20km bờ biển. Biển Kim Sơn khác với các vùng biển khác ở chỗ không có những bãi tắm thơ mộng như: Đồ

Sơn (Hải Phòng), Sâm Sơn (Thanh Hoá)... mà là biển bãi bồi. Hàng năm, bãi bồi tiến ra biển từ 80-100m rộng hàng trăm héc-ta. Kế thừa truyền thống về kinh nghiệm của cha ông, nhân dân Kim Sơn đã quai đê, lấn biển, khai phá, cải tạo để canh tác. Trước khi đưa cây lúa vào cây trồng, cây cói là cây trồng từ bao đời có tác dụng thau chua rửa mặn. Với phương châm "coi lấn biển, lúa lấn coi" từng bước nhân dân Kim Sơn đã giải quyết vững chắc "cái ăn". Đến năm 1965, Kim Sơn là một trong 5 huyện đầu tiên của miền Bắc dành 5 tấn thóc/ha gieo trồng, và chỉ 3 năm sau (1995) đạt 10 tấn thóc/ha cũng là lúc cả huyện đạt bình quân hơn 500kg lương thực/dầu người. Đủ ăn, người dân Kim Sơn nghĩ kế làm giàu. Cây cói - thế mạnh đặc biệt của Kim Sơn gắn liền với nghề dệt chiếu truyền thống khởi sắc từ đây. Cây cói lên ngôi, nghề dệt cói thăng hoa. Giá trị 1ha trồng cói gấp 2-3 lần 1ha trồng lúa. Diện tích năng suất cói mỗi năm không ngừng được mở rộng và tăng cao. Đến năm 2000 diện tích cói Kim Sơn đạt gần 1000ha với sản lượng cói chế đạt hơn 10.000 tấn. Mười năm qua cơ chế thị trường mở cửa đã tác động vào và thúc đẩy ngành nghề thủ công truyền thống của Kim Sơn phát triển mạnh mẽ. Với sức sáng tạo và óc thẩm mỹ tinh tế, người dân Kim Sơn đã tạo nên những sản phẩm mỹ nghệ từ cói độc đáo như: thảm, chiếu, làn, khay, đĩa, dép cói... hấp dẫn người tiêu dùng, khách du lịch thăm quan không chỉ trong vùng, trong nước mà còn vươn tới thị trường ngoài nước với số lượng ngày càng lớn. Giá trị sản lượng hàng cói của Kim Sơn từ 20-30 tỷ đồng năm (1995) lên 90 tỷ đồng năm (2000) chiếm hơn 62% giá trị sản lượng công nghiệp của huyện Kim Sơn, thu hút từ vài nghìn lao động trong huyện làm chiếu cói lúc nông nhàn đến cả chục vạn lao động của các huyện Kim Sơn, Yên Khánh, Yên Mô tham gia sản xuất, chế biến, dệt, thu mua và tiêu thụ sản phẩm mỹ nghệ từ cói.

Hoa Lư không chỉ nổi tiếng bởi địa danh du lịch của cố đô xưa mà còn có nhiều làng nghề, ngành nghề độc đáo: Ninh Vân với nghề chạm khắc đá mỹ nghệ, Ninh Phong với nghề chạm khắc gỗ mỹ nghệ... Xã Ninh Vân được coi như một vùng quê độc đáo bởi những sản phẩm được làm ra từ nguồn đá xanh của Hoa Lư. Tương truyền rằng: Cách đây hơn 2 thế kỷ, có một chàng thợ đá người Chăm tên là Hoàng Sùng do loạn lạc mà về đây lập nghiệp. Chàng trai ấy chính là ông tổ của nghề chạm khắc đá Ninh Vân. Với nguồn đá nguyên liệu phong phú,

giá trị nghệ thuật và tính bền vững của các sản phẩm từ đá được chứng minh qua các triều đại vua chúa mà chính nơi đây - Hoa Lư xưa kia một thời là kinh đô của nước Việt. Vì vậy, người dân nơi đây vẫn trân trọng giữ gìn được truyền thống của cha ông tạo "linh hồn" cho đá. Đứng trước núi đá xanh quý hiếm mới cảm nhận thấy hết nghề chạm khắc đá là vô cùng khó. Người thợ phải trải qua quá trình lao động cực nhọc và nhất thiết phải có óc sáng tạo, sự thông minh tinh tế mới có thể tạo được những sản phẩm hoàn mỹ từ những khối đá vô tri. Ở Ninh Vân có khoảng 1000 người - 40% số lao động của xã, hoạt động trong nghề này, đóng góp cho ngân sách xã tới 70%. Con số đó tự nói lên mức hấp dẫn và tương lai nghề truyền thống của cha ông. Các sản phẩm mỹ nghệ của các nghệ nhân tài hoa Ninh Vân chẳng những đã có mặt trong các công trình xây dựng trên khắp mọi miền đất nước mà còn được bạn bè trên thế giới biết đến khá sớm. Nhiều sản phẩm được xuất sang Trung Quốc, Campuchia, Nhật Bản, Đức.... Cụ Nguyễn Xuân Lương, 70 tuổi, chủ nhân một tổ hợp chạm khắc đá cho biết: Thu nhập bình quân của một thợ đá là hơn 1 triệu đồng/tháng. Riêng tổ hợp của cụ mỗi năm thu được hàng trăm triệu đồng từ đá. Cụ và một số nghệ nhân cao tuổi trong xã là chủ nhân của dự án: "Duy trì và phát triển làng nghề chạm khắc đá Ninh Vân" nhằm truyền nghề cho lớp trẻ và phát huy hơn nữa truyền thống của quê hương.

Ninh Phong là một xã độc canh lúa của huyện Hoa Lư. Ngoài nghề nông, các ngành nghề khác như: Mộc, thêu ren, dệt thảm,... là những nghề phụ nhằm giải quyết việc làm cho lao động lúc nông nhàn, tăng thu nhập, cải thiện đời sống. Nghề mộc là nghề truyền thống có cách đây bốn trăm năm chủ yếu làm khung nhà, đóng bàn, ghế, giường, tủ... đồ gia dụng. Trước năm 1995 trở về trước, nghề mộc Ninh Phong tuy số lượng lao động theo nghề mộc có tăng, nhưng vẫn chỉ là nghề phụ, cha truyền con nối, chứ không làm giàu. Từ năm 1996 đến nay, cơ chế thị trường thông thoáng, tác động nghề mộc truyền thống ở Ninh Phong phát triển mạnh mẽ trên cơ sở một số thợ giỏi đi học hỏi nghề chạm trổ, chạm khắc ở Bắc Ninh, Hà Tây, rồi về địa phương vừa làm vừa truyền nghề, làm ra nhiều sản phẩm kỹ, mỹ thuật cao cấp không chỉ dùng trong tỉnh, mà còn tìm "đầu ra" ngoài tỉnh cho sản phẩm....

Có gần 900 hộ với hơn 1000 lao động làm nghề mộc, chiếm hơn 60% số hộ trong xã. Riêng thôn Phúc Lộc có hơn 600 hộ, chiếm 93% số hộ của thôn làm nghề mộc. Không dừng lại ở nghề thủ công truyền thống mà giờ đây nghề mộc Ninh Phong đã cơ giới hoá và điện khí hoá hoàn toàn từ khâu cưa xẻ, rọc, bào, đánh véc-ni đến khi sản phẩm hoàn chỉnh, vừa giảm sức lao động, tăng năng suất và nâng cao chất lượng đầu mộc. Trên cơ sở anh em, họ tộc đã hình thành tổ hợp tác khép kín từ khâu cung cấp các loại gỗ đến khâu thành phẩm hoàn chỉnh xuất xưởng. Xã có đội mộc chuyên trách đi làm cho các cơ quan xí nghiệp trong và ngoài tỉnh. Cả xã có 6 trung tâm lớn chế biến gỗ. Riêng thôn Phúc Lộc có gần 100 xưởng mộc gia đình với gần 300 máy cơ khí chạy điện gồm: xẻ, rọc, cưa, tiện, bào... Điển hình là gia đình ông Vũ Văn Thiệu, người đầu tiên đưa cơ khí vào ngành mộc, là chủ gia đình 17 người có 11 lao động, 6 người ăn theo, với 3 cơ sở làm mộc, trong đó có một cơ sở làm hàng cao cấp. Mỗi năm gia đình tăng tích lũy từ 60-70 triệu đồng.

Từ một xã thiếu đói triền miên, nghề mộc truyền thống phát triển đã làm "thay da đổi thịt" cuộc sống của nhân dân, chẳng những đủ ăn mà còn tiến lên làm giàu... Đến năm 1997, cả xã có thu nhập gần 17 tỷ đồng.

Những mặt được và chưa được

Dưới ánh sáng các Nghị quyết của Đảng và thực hiện đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp-nông thôn, qua 10 năm đổi mới, với những cơ chế chính sách đúng đắn, làng nghề, ngành nghề truyền thống trong nông nghiệp, nông thôn được khôi phục và khởi sắc góp phần thúc đẩy nhiều thành phần kinh tế cùng phát triển, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động không chỉ một xã, một huyện, mà cả một tỉnh.

Theo khảo sát ban đầu, đến năm 2000, toàn Ninh Bình có 35 làng nghề, trong đó có 19 làng nghề truyền thống giải quyết việc làm cho gần 16000 lao động nông thôn. Đặc biệt số cơ sở sản xuất thủ công nghiệp trong năm qua tăng khá nhanh, số khu vực hộ cá thể chiếm chủ yếu. Năm 2001, toàn tỉnh Ninh Bình có 17.780 cơ sở thủ công nghiệp cá thể, 51 doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ, công ty TNHH và công ty cổ phần với hơn 4 vạn lao động có việc làm, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá nông nghiệp nông thôn.

Tuy nhiên trong những năm qua, quá trình phát triển làng nghề, ngành nghề truyền thống trong nông nghiệp và nông thôn Ninh Bình còn nhiều tồn tại:

- Sản xuất tiểu thủ công nghiệp ngành nghề nông thôn không đồng đều, còn rời rạc tản mạn, chưa vững chắc, quy mô còn nhỏ bé, máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ ở hầu hết các cơ sở còn lạc hậu, phần lớn vẫn làm thủ công, chất lượng sản phẩm chưa cao, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp.

- Cho đến nay, một số làng nghề và ngành nghề truyền thống được phát triển nhưng thực tế chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh, chưa mở mang thêm nhiều ngành nghề mới, chưa khai thác hết nguồn lao động trên từng địa bàn, nhất là vào thời vụ nông nhàn trong nông nghiệp.

- Khó khăn lớn nhất trong việc phát triển ngành nghề là điểm xuất phát về kinh tế quá thấp; phần lớn hộ ngành nghề đều thiếu vốn hoạt động, thiếu thị trường tiêu thụ sản phẩm hoặc thị trường tiêu thụ không ổn định. Không ít cơ sở sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài, nhiều đơn vị phải ngừng hoạt động.

Một số giải pháp chủ yếu

Để phát triển làng nghề, ngành nghề truyền thống, đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn trong thập kỷ tới cần có những giải pháp cụ thể thích hợp với từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương như sau:

- Tỉnh cần xây dựng, ban hành các cơ chế chính sách khôi phục và phát triển làng nghề cũ; giải quyết các vấn đề môi trường, đổi mới công nghệ, thiết bị, bồi dưỡng nghệ nhân, đào tạo nghề, bồi dưỡng kiến thức về quản lý kinh tế, kỹ thuật cho cán bộ và thợ trẻ.

- Đồng thời tỉnh cần có kế hoạch, quy hoạch, phát triển làng nghề mới với đầu tư công nghệ thiết bị phù hợp; hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Đối với các làng xã chưa phát triển ngành nghề nông thôn cần lựa chọn, bồi dưỡng hỗ trợ một số doanh nghiệp trẻ, năng động, biết cách làm ăn để làm nòng cốt thu hút các hộ gia đình, các cá nhân tham gia phát triển ngành nghề, dần dần hình thành các cụm, trung tâm công nghiệp và dịch vụ trong xã. Vận động phong trào tiến tới mỗi xã có một cụm công nghiệp và dịch vụ, có sản phẩm tiêu biểu.

- Cần có biện pháp tạo vốn trong sản xuất nông nghiệp và ngành nghề nông thôn; huy động vốn nhân rỗi trong nông dân để đầu tư cho các làng nghề và ngành nghề nông thôn. Tỉnh, huyện cần tổ chức tốt các HTX tín dụng kiểu mới, tranh thủ vốn vay từ các quốc gia, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ nhằm giải quyết vốn cho phát triển ngành nghề và làng nghề truyền thống.

- Tỉnh, huyện cần có biện pháp tiếp cận thị trường trong nước và nước ngoài, giúp các làng nghề, ngành nghề truyền thống tiêu thụ, xuất khẩu các sản phẩm sang các nước Đông Nam Á, Đông Bắc Á, các nước Tây Âu và Bắc Mỹ.

- Nâng cấp hạ tầng cơ sở ở nông thôn bao gồm: đường giao thông, phương tiện vận tải, điện, nước, thông tin liên lạc là yếu tố quan trọng quyết định sự thành công và hiệu quả trong việc phát triển làng nghề và ngành nghề truyền thống, để tiếp cận thông tin kinh tế, giao lưu, trao đổi...

- Thành lập các trung tâm hỗ trợ phát triển công nghiệp và ngành nghề nông thôn.

- Tạo môi trường pháp lý để thu hút nhiều đối tượng thành phần kinh tế trong và ngoài nước nhằm phát triển ngành nghề truyền thống.

- Thực hiện, xây dựng chương trình và dự án khả thi phát triển ngành nghề nông thôn cho một số sản phẩm tiêu biểu như: dự án phát triển thêu ren xuất khẩu ở Hoa Lư, xuất khẩu hàng cói ở Kim Sơn.